TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 537/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/3/1997; Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Kiều O (T), sinh ngày 09/01/1999; Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T, trình bày: Vào tháng 9/2022, anh và chị Nguyễn Thị Kiều O có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H (nay là xã L), tỉnh Đồng Tháp, vào ngày 15/9/2022. Từ ngày sống chung với nhau thì có hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đã ly thân từ tháng 4/2026 cho đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O vì tình cảm không còn. Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều O đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy

định nhưng chị O vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều O được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của anh T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa anh T và chị O có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Anh T và chị O không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập chị O đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng chị O đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị O không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O (Tu Oanh).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001735 ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú